

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 53-CP ngày 28-6-1994 quy định các biện pháp xử lý đối với cán bộ, viên chức Nhà nước và những người có hành vi liên quan đến mại dâm, ma túy, cờ bạc và say rượu bê tha.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. - Mại dâm, ma túy, cờ bạc, say rượu bê tha là các tệ nạn xã hội, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng rất xấu đến đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân và trật tự trị an xã hội

Việc xử lý các hành vi mại dâm, ma túy, cờ bạc, say rượu bê tha phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hoàn cảnh vi phạm để áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp.

Điều 2. - Các cơ quan Nhà nước phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, cờ bạc và say rượu bê tha.

Điều 3.

1. Phải xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật nghiêm khắc đối với:

Giám đốc khách sạn, chủ khách sạn, nhà hàng, quán trọ hoặc các cơ sở khác để hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc, say rượu bê tha xảy ra trong cơ sở do mình quản lý;

- Người có hành vi mua dâm, dùng chất ma túy, đánh bạc, say rượu bê tha là cán bộ, viên chức Nhà nước ở bất kỳ cương vị nào;

- Người có hành vi dung túng, bao che các hoạt động mại dâm, ma túy, đánh bạc, say rượu bê tha;

- Người tái phạm về hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc, say rượu bê tha.

2. Người tổ chức, môi giới mại dâm, tổ chức dùng chất ma túy, người sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, người tổ chức đánh bạc, gá bạc, người đánh bạc, thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, nếu chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải xử lý hành chính và kỷ luật.

Chương II**HÀNH VI VI PHẠM VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ****Điều 4.**

1. Người có hành vi mua dâm là cán bộ, viên chức Nhà nước:

a) Bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương hoặc cách chức.

b) Nếu tái phạm thì bị phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

2. Người có hành vi mua dâm không phải là cán bộ, viên chức Nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ, hoàn cảnh cụ thể mà bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng; trong trường hợp tái phạm thì phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng; trong mọi trường hợp vi phạm đều phải thông báo về cho Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú để giáo dục.

3. Người có hành vi bán dâm là cán bộ, viên chức Nhà nước:

a) Bị phạt cảnh cáo và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương hoặc cách chức.

b) Nếu tái phạm thì bị phạt cảnh cáo và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

4. Người có hành vi bán dâm không phải là cán bộ, viên chức Nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ, hoàn cảnh cụ thể mà bị phạt cảnh cáo và thông báo về cho Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú để giáo dục.

Đối với người đã được xác định là bán dâm thường xuyên, ngoài việc bị phạt còn phải đưa vào trung tâm giáo dục chữa bệnh và lao động.

5. Việc xử lý người vi phạm là người chưa thành niên được áp dụng theo quy định tại Điều 29 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính. Có thể đưa người vi phạm là người chưa thành niên vào trường phổ thông công nông nghiệp để giáo dục và dạy nghề.

Điều 5. -

1. Người dùng ma túy là cán bộ, viên chức Nhà nước:

a) Bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương hoặc cách chức.

b) Nếu tái phạm thì bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

2. Người dùng ma túy không phải là cán bộ, viên chức Nhà nước thì tùy theo tính chất, mức độ, hoàn cảnh cụ thể mà bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng và thông báo về cho Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú để giáo dục và gia đình biết.

Đối với người nghiện ma túy, ngoài việc bị phạt tiền thì tùy từng loại đối tượng còn bị buộc cai nghiện tại nhà có sự bảo lãnh của gia đình hoặc tại các Trung tâm Y tế của Nhà nước.

3. Người sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy mà chưa đến

mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; tang vật, phương tiện vi phạm phải bị tịch thu; đối với cán bộ, viên chức Nhà nước thì thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; những người không phải là cán bộ, viên chức Nhà nước thì thông báo về Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú để giáo dục.

Điều 6.- Cán bộ, viên chức Nhà nước đánh bạc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Bị phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương hoặc cách chức.

b) Nếu tái phạm thì bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

Điều 7. - Cán bộ, viên chức Nhà nước say rượu bê tha (mất nhân cách ở nơi làm việc, nhà hàng, quán ăn, gây hại đến trật tự công cộng):

a) Bị phạt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương hoặc cách chức.

b) Nếu tái phạm thì bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và thông báo về cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

Cán bộ, chiến sĩ quân đội, công an mà say rượu bê tha phải bị kỷ luật nặng hơn so với những người khác vi phạm.

Điều 8.-

1. Thủ trưởng trực tiếp của những người có hành vi vi phạm nói tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Nghị định này mà bao che hoặc không kịp thời xử lý kỷ luật người vi phạm thì bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức hoặc buộc thôi việc.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn và những người có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống các hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc, mà dung túng, bao che hoặc không xử lý kịp thời để cho những hành vi này xảy ra trên địa bàn do mình quản lý, thì bị xử lý kỷ luật

bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức hoặc buộc thôi việc.

3. Giám đốc khách sạn, chủ khách sạn, nhà khách, nhà hàng, vũ trường, quán trọ, nhà nghỉ hoặc các cơ sở khác mà chứa mại dâm hoặc môi giới mại dâm hoặc tổ chức dùng chất ma túy hoặc đánh bạc thì bị xử lý theo Điều 200, Điều 202, Điều 203 Bộ Luật Hình sự.

Trường hợp do thiếu trách nhiệm để hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc xảy ra trong cơ sở do mình quản lý thì bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và con bị:

- Xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức hoặc buộc thôi việc, nếu là cơ sở quốc doanh.

- Tước giấy phép kinh doanh, nếu là cơ sở ngoài quốc doanh.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ LÝ

Điều 9.- Thẩm quyền quyết định xử phạt hành chính được quy định như sau:

1. Chiến sĩ cảnh sát nhân dân thuộc các lực lượng cảnh sát quân lý hành chính về trật tự xã hội, cảnh sát kinh tế, cảnh sát hình sự, cảnh sát điều tra, cảnh sát cơ động được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000 đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn; Trưởng Công an phường; Đội trưởng, Đội phó Đội cảnh sát quân lý hành chính về trật tự xã hội, cảnh sát kinh tế, cảnh sát hình sự, cảnh sát điều tra, cảnh sát cơ động được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 50.000 đồng.

3. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng cảnh sát quân lý hành chính về trật tự xã hội, cảnh sát kinh tế, cảnh sát hình sự, cảnh sát điều tra cấp tỉnh; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên; Trưởng Công an huyện và Phó Trưởng Công an huyện và cấp tương đương; Trưởng đồn, Phó Trưởng đồn biên phòng; Chỉ huy Trưởng, Phó Chỉ huy trưởng tiểu khu biên phòng; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng; Chỉ huy trưởng Trạm cửa khẩu, được phạt cảnh

cáo, phạt tiền đến 200.000 đồng và tước giấy phép kinh doanh, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

4. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện và cấp tương đương được áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính: cảnh cáo, phạt tiền đến 2.000.000 đồng, tước giấy phép kinh doanh, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

5. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính: cảnh cáo, phạt tiền đến 10.000.000 đồng, tước giấy phép kinh doanh, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, ra quyết định đưa vào Trung tâm chữa bệnh, cai nghiện, lao động và đưa vào trường phổ thông công nông nghiệp đối với người chưa thành niên.

Điều 10.- Thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật được quy định như sau:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có quyền quyết định thi hành kỷ luật cán bộ, viên chức thuộc cơ quan, tổ chức mình theo quy định của pháp luật hiện hành về xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức.

Điều 11.- Thủ tục xử phạt các vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này được áp dụng theo quy định tại Chương IV Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính, nhưng người quyết định xử phạt không thu tiền phạt tại chỗ. Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải sao gửi biên bản và quyết định xử phạt cho:

- Cơ quan, tổ chức nơi người bị xử phạt làm việc để xử lý kỷ luật, nếu người bị xử phạt là cán bộ, viên chức Nhà nước.

- Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người bị xử phạt cư trú để giáo dục, buộc cam kết không tái phạm, nếu người bị xử phạt không phải là cán bộ, viên chức Nhà nước.

Điều 12.- Khi tiến hành xử phạt hành chính đối với người vi phạm thấy cần bắt buộc chữa bệnh, lao động, cai nghiện hoặc đưa vào trường phổ thông công nông nghiệp thì người có thẩm quyền xử phạt trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt phải lập hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để chuyển đến Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Quyết định về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, cai nghiện, lao động, quyết định đưa vào trường phổ thông công nông nghiệp đều phải được thông báo cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, dương sự và gia đình họ biết.

Điều 13.- Người bị xử phạt hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật theo những quy định của Nghị định này có quyền khiếu nại.

Thủ tục khiếu nại, thẩm quyền giải quyết khiếu nại về việc xử phạt hành chính và việc xử lý kỷ luật theo Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính và Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 15. - Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Du lịch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 175-CP ngày 18-10-1994 về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và Chủ tịch nước ra Lệnh công bố số 29-L/CTN ngày 10 tháng 1 năm 1994.

Điều 2.- Những quy định của Nghị định này được áp dụng đối với mọi hoạt động của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Luật Bảo vệ môi trường quy định.

Điều 3.- Những quy định về bảo vệ môi trường có liên quan đến quan hệ quốc tế phải được tổ chức và thực hiện phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam, của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng các quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. -

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện việc thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, chịu trách